

**VIỆN KH-CN QUÂN SỰ
VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Số: 16 /VCNTT-HTTQL

V/v Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán dự án “Xây dựng mạng thông tin chỉ thị mục tiêu qua vệ tinh cho các tổ hợp vũ khí trên tàu và trên bờ trong Quân chủng Hải quân - giai đoạn 1”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: Bộ Tư lệnh Hải quân.

Căn cứ Hợp đồng số 1301/HĐ/BTLHQ-VCNTT ký ngày 13 tháng 1 năm 2016 giữa Cục Kỹ thuật/Bộ Tư lệnh Hải quân và Viện Công nghệ thông tin về việc thực hiện tư vấn Thẩm tra thiết kế và dự toán của dự án “Xây dựng mạng thông tin chỉ thị mục tiêu qua vệ tinh cho các tổ hợp vũ khí trên tàu và trên bờ trong Quân chủng Hải quân - giai đoạn 1”.

Sau khi nhận được Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật-Tổng dự toán (TKKT-TDT) dự án “Xây dựng mạng thông tin chỉ thị mục tiêu qua vệ tinh cho các tổ hợp vũ khí trên tàu và trên bờ trong Quân chủng Hải quân - giai đoạn 1” do Viện Tích hợp hệ thống/HVKTQS lập cùng các tài liệu kèm theo, Viện Công nghệ thông tin đã tiến hành thẩm tra các nội dung của hồ sơ TKKT-TDT. Kết quả thẩm tra cụ thể như sau:

I. Các căn cứ thẩm tra

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội;
- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội;
- Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về việc Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về việc Quản lý đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 75/2010/TT-BQP ngày 12/6/2010 hướng dẫn chi tiết một số nội dung về quản lý đầu thầu trong BQP; số 140/2010/TT-BQP ngày 08/8/2011 quy định giám sát chi phí đối với các gói thầu áp dụng hình thức chi định thầu hoặc tự thực hiện trong BQP;



- Quy chế quản lý và sử dụng ngân sách đặc biệt ban hành kèm theo Quyết định số 2131/1999/QĐ-BQP ngày 04/10/1999 của Bộ trưởng BQP;
- Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 118/2014 của Bộ trưởng BQP về việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng ngân sách đặc biệt giai đoạn 2006-2010, 2011-2020 và giao chỉ tiêu kế hoạch sử dụng ngân sách đặc biệt năm 2014;
- Quyết định số 3842/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng ngày 21/09/2015 về việc phê duyệt dự án “Xây dựng mạng thông tin chỉ thị mục tiêu qua vệ tinh cho các tổ hợp vũ khí trên tàu và trên bờ trong Quân chủng Hải quân - giai đoạn 1”;
- Hồ sơ TKTC-TDT dự án “Xây dựng mạng thông tin chỉ thị mục tiêu qua vệ tinh cho các tổ hợp vũ khí trên tàu và trên bờ trong Quân chủng Hải quân - giai đoạn 1” và các tài liệu kèm theo.

II. Tóm tắt dự án

1. Tên dự án: Xây dựng mạng thông tin chỉ thị mục tiêu qua vệ tinh cho các tổ hợp vũ khí trên tàu và trên bờ trong Quân chủng Hải quân - giai đoạn 1.

2. Cơ quan chủ quản đầu tư: Bộ Quốc phòng.

3. Chủ đầu tư: Bộ Tư lệnh Hải quân.

4. Cơ quan tư vấn thiết kế - dự toán: Viện Tích hợp Hệ thống/HVKTQS.

5. Chủ trì thiết kế: PGS. TS Lê Anh Dũng.

6. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng mạng thông tin chỉ thị mục tiêu qua vệ tinh cho các tàu tên lửa và đơn vị tên lửa bờ của Quân chủng Hải quân, nhằm:

- Đảm bảo tiếp nhận và phân phối bức tranh tình huống từ mạng rađa bờ, mạng thu AIS, tàu cá giả danh và các nguồn tin khác.

- Hỗ trợ hoạt động chỉ huy điều hành tác chiến với các khả năng quản lý, phân tích, đánh giá tình huống; nhận biết mục tiêu cần tiêu diệt; xác định và truyền chỉ thị mục tiêu cùng các mệnh lệnh, thông tin, hình ảnh, thông báo khác đến từng tàu hay đơn vị tên lửa bờ được giao nhiệm vụ, nhằm rút ngắn thời gian và nâng cao xác suất tiêu diệt mục tiêu.

- Hỗ trợ tổ chức và triển khai công tác huấn luyện chiến đấu; hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên khác.

7. Quy mô và nội dung đầu tư:

7.1. Xây dựng mạng thông tin vệ tinh chỉ thị mục tiêu trên băng tần Ku mở rộng, modem iDirect tương thích, có khả năng truyền thoại, dữ liệu, hình ảnh và video, bao gồm 04 trạm VSAT trên tàu và trên bờ:

a) Nhập khẩu thiết bị VSAT; vật tư dự phòng; hệ thống quang phục vụ triển khai; dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, tích hợp và kiểm thử thiết bị. Đào tạo chuyển giao công nghệ nước ngoài:

- 01 trạm VSAT tại SCH Vùng 4: Sử dụng anten đường kính 3,8m; 01 bộ khuếch đại công suất BUC $\geq 16W$.

- 02 trạm VSAT tàu Gepard 3.9 và tàu cá giả danh: sử dụng anten C2SAT đường kính 1,2m; 01 bộ khuếch đại công suất BUC \geq 16W.

- 01 trạm VSAT tại Lữ đoàn tên lửa bờ Bastion: sử dụng xe VSAT cơ động Cobham 7100, 01 bộ khuếch đại công suất BUC \geq 16W. Xe VSAT kết nối với xe chỉ huy bằng cáp quang.

b) Trang bị các thiết bị bảo mật cơ yếu và tích hợp mạng này vào mạng thông tin vệ tinh của Bình chủng Thông tin liên lạc.

7.2. Cung cấp, lắp đặt thiết bị phần cứng, phần mềm; đào tạo, huấn luyện sử dụng các trang thiết bị hệ thống chỉ thị mục tiêu và kết nối qua mạng VSAT:

- Tại SCH Vùng 4: Trang bị hệ thống C2 (chỉ huy, kiểm soát và chỉ thị mục tiêu) hỗ trợ đánh giá tình huống và giải bài toán phân phôi, chỉ thị mục tiêu.

- Trên tàu cá giả danh (TK-1482C): Trang bị hệ thống quan sát tích hợp gồm 01 bộ quang điện tử (nhập khẩu), 01 máy thu AIS, tích hợp với kênh VSAT cùng các thiết bị liên quan khác sẵn có trên tàu (ra đa hàng hải, GPS, máy tính đường, la bàn, ...) thực hiện chức năng phát hiện, bám sát và chỉ thị mục tiêu.

- Trên tàu tên lửa Gepard 3.9 và tại Lữ đoàn tên lửa bờ Bastion: Trang bị trạm đầu cuối chỉ thị mục tiêu, tích hợp với kênh VSAT và hệ thống điều khiển bắn tên lửa.

8. Địa điểm đầu tư:

Trang thiết bị được đầu tư theo dự án phục vụ nhiệm vụ chỉ thị mục tiêu được thiết kế chi tiết và bố trí như sau:

8.1. SCH Vùng 4:

- Trạm VSAT trên bờ gồm thiết bị VSAT, truyền hình hội nghị, video streaming (theo hợp đồng ngoại);

- Hệ thống C2 (chỉ huy, kiểm soát và chỉ thị mục tiêu).

8.2. Tàu cá TK-1482C:

- Trạm VSAT trên tàu gồm thiết bị VSAT, truyền hình hội nghị, video streaming, hệ thống quang điện tử (theo hợp đồng ngoại);

- Trạm đầu cuối chỉ thị mục tiêu và trạm quan sát tích hợp.

8.3. Lữ đoàn tên lửa bờ 681:

- Trạm VSAT trên xe cơ động gồm xe và thiết bị VSAT lắp trên xe, bộ cáp quang kết nối kéo dài, thiết bị truyền hình hội nghị, video streaming (theo hợp đồng ngoại);

- Trạm đầu cuối chỉ thị mục tiêu và thiết bị tích hợp với hệ thống điều khiển tên lửa.

8.4. Tàu Gepard 3.9:

- Trạm VSAT trên tàu gồm thiết bị VSAT, truyền hình hội nghị, video streaming (theo hợp đồng ngoại);

- Thiết bị tích hợp với hệ thống điều khiển tên lửa (đã bao gồm chức năng trạm đầu cuối chỉ thị mục tiêu).

9. Tổng dự toán: 3.500.000 USD tương đương 78.890.000.000 đồng (Bằng chữ: *Ba triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ* tương đương *Bảy mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi triệu đồng*; với tỷ giá ngoại tệ tạm tính là 1 USD = 22.540 đồng).

Trong đó:

- Thiết bị, dịch vụ nhập khẩu chưa bao gồm các loại thuế, phí: 2.543.590 USD tương đương 57.332.518.825 đ

- Thiết bị trong nước:

+ Hệ thống C2 tại SCH Vùng 4:	8.020.940.000 đ
+ Trạm đầu cuối chỉ thị mục tiêu:	3.205.040.000 đ
+ Trạm quan sát tích hợp trên tàu cá:	1.228.800.000 đ
+ Thiết bị tích hợp cho tổ hợp Bastion:	1.685.392.000 đ
+ Thiết bị tích hợp cho tàu Gepard 3.9:	2.587.200.000 đ
+ Thiết bị bảo mật cơ yếu:	1.233.000.000 đ
- Chi phí quản lý dự án:	520.152.000 đ
- Chi phí tư vấn đầu tư:	665.903.000 đ
- Chi phí khác:	1.496.118.632 đ
- Chi phí dự phòng:	914.935.543 đ

10. Nguồn vốn:

Ngân sách đặc biệt (3.500.000 USD) được phân bổ tại Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 11/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng ngân sách đặc biệt giai đoạn 2006-2010, 2011-2020 và giao chi tiêu kế hoạch sử dụng ngân sách đặc biệt năm 2014.

11. Thời gian, tiến độ thực hiện: Năm 2015-2016.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Hình thức đầu tư: Mua sắm, lắp đặt và huấn luyện sử dụng thiết bị

14. Phương thức thực hiện dự án:

- Thiết bị, dịch vụ nhập khẩu: Thông qua đàm phán trực tiếp với đối tác và ký kết hợp đồng nhập khẩu, thực hiện theo Quy chế xuất khẩu, nhập khẩu và mua sắm hàng hóa quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số 84/2007/QĐ-BQP ngày 18/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Hệ thống bảo mật cơ yếu mạng VSAT: Giao Cục Cơ yếu/BTTM chủ trì phối hợp với BTL Hải quân triển khai thực hiện.

- Các nội dung khác: Đấu thầu theo quy định.

III. Các nội dung thẩm tra

1. Thẩm tra Thiết kế kỹ thuật

Thuyết minh thuyết kê kỹ thuật các nội dung phần mềm và thiết bị công nghệ được trình bày với các nội dung chính sau:

TT	Nội dung Thiết kê kỹ thuật	Ghi chú
I	Tổng quan	Chương 1, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
II	Thiết kế chung mạng chỉ thị mục tiêu	Chương 2, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
II.1	Các tiền đề xây dựng hệ thống	Mục 2.1, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
II.2	Xây dựng mạng thông tin chỉ thị mục tiêu	Mục 2.2, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
II.3	Xây dựng mạng thông tin vệ tinh VSAT	Mục 2.3, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
II.4	Cấu hình và phương thức hoạt động	Mục 2.4, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III	Thiết kế mạng thông tin VSAT	Chương 3, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.1	Thiết kế chung	Mục 3.1, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.2	Các trạm VSAT	Mục 3.2, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.3	Modem vệ tinh	Mục 3.3, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.4	Tối ưu hóa kênh truyền vệ tinh và bảo mật kênh	Mục 3.4, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.5	Phân tích nhu cầu băng thông vệ tinh	Mục 3.5, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.6	Giải pháp màn hình lớn BARCO OL521	Mục 3.6, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.7	Hệ thống Video Streaming Extron	Mục 3.7, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.8	Hệ thống truyền hình hội nghị VCS SX20	Mục 3.8, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.9	Hệ thống quang điện tử	Mục 3.9, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.10	Danh mục thiết bị VSAT	Mục 3.10, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
IV	Thiết kế hệ thống C2	Chương 4, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
IV.1	Nhiệm vụ, thành phần	Mục 4.1, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
IV.2	Thiết kế chức năng hệ thống	Mục 4.2, Hồ sơ Thiết kê kỹ thuật

TT	Nội dung Thiết kế kỹ thuật	Ghi chú
		- Tổng dự toán dự án
IV.3	Công nghệ phần mềm	Mục 4.3, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
IV.4	Cấu hình và tham số kỹ thuật	Mục 4.4, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
IV.5	Thiết kế phần mềm C2	Mục 4.5, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
V	Thiết kế trạm đầu cuối chỉ thị mục tiêu	Chương 5, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
V.1	Nhiệm vụ, thành phần	Mục 5.1, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
V.2	Thiết kế chức năng phần mềm	Mục 5.2, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
V.3	Đặc điểm công nghệ	Mục 5.3, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
V.4	Thiết kế phần mềm trạm đầu cuối	Mục 5.4, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
V.5	Danh mục và tham số thiết bị	Mục 5.5, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VI	Thiết kế trạm đầu cuối chỉ thị mục tiêu	Chương 6, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VI.1	Thiết kế chung	Mục 6.1, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VI.2	Thiết kế kết nối các thiết bị trên tàu	Mục 6.2, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VI.3	Sơ đồ lắp đặt thiết bị trên tàu	Mục 6.3, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VI.4	Danh mục thiết bị	Mục 6.4, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VII	Thiết kế thiết bị tích hợp cho tàu Gepard 3.9	Chương 7, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VII.1	Phân tích thiết kế hệ thống	Mục 7.1, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VII.2	Thiết kế thiết bị tích hợp	Mục 7.2, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VII.3	Danh mục thiết bị	Mục 7.3, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VIII	Thiết kế thiết bị tích hợp cho tổ hợp Bastion	Chương 8, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VIII.1	Phân tích thiết kế hệ thống	Mục 8.1, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
VIII.2	Thiết kế phương án đặt thiết bị tích	Mục 8.2, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật

TT	Nội dung Thiết kế kỹ thuật	Ghi chú
	hợp trên xe điều khiển MBY	- Tổng dự toán dự án
VIII.3	Thiết kế phương án đặt thiết bị tích hợp trên xe ra đa ПРЛК	Mục 8.3, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
IX	Các sơ đồ thiết kế chung	Chương 9, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án

2. Thẩm tra Dự toán

Dự toán các nội dung phần mềm và thiết bị công nghệ được trình bày với các nội dung chính sau:

TT	Nội dung Dự toán	Ghi chú
I	Tổng dự toán	Mục 10.1, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
II	Bảng giải trình hạng mục	Mục 10.2, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III	Dự toán chi tiết	Mục 10.3, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.1	Chi phí thiết bị, dịch vụ nhập khẩu chưa bao gồm các loại thuế, phí	Mục 10.3.1, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án
III.2	Chi phí thiết bị trong nước	Mục 10.3.2, Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án

Tổng hợp dự toán toàn bộ dự án và các nội dung phần mềm, thiết bị công nghệ như sau:

TT	Nội dung, hạng mục đầu tư	Ký hiệu	Kinh phí (USD)	Tương đương (đồng)
A	CHI PHÍ THIẾT BỊ	G_{TB}	3.340.412	75.292.890.825
I	THIẾT BỊ, DỊCH VỤ NHẬP KHẨU	G _{TB1}	2.543.590	57.332.518.825
I.1	Thiết bị VSAT		2.162.051	48.732.637.654
I.2	Dịch vụ lắp đặt, tích hợp và kiểm thử		381.539	8.599.881.171
II	THIẾT BỊ TRONG NƯỚC	G _{TB2}	796.822	17.960.372.000
II.1	Hệ thống C2 tại SCH Vùng 4		355.854	8.020.940.000
II.2	Trạm đầu cuối chỉ thị mục tiêu (01 trạm cho tàu cá và 01 trạm cho tổ hợp Bastion)		142.193	3.205.040.000
II.3	Trạm quan sát tích hợp trên tàu cá		54.516	1.228.800.000
II.4	Thiết bị tích hợp cho tổ hợp Bastion (phù hợp với cả 2 phương án: lắp trên xe radar hoặc trên xe MBY)		74.773	1.685.392.000
II.5	Thiết bị tích hợp cho tàu Gepard		114.783	2.587.200.000

TT	Nội dung, hạng mục đầu tư	Ký hiệu	Kinh phí (USD)	Tương đương (đồng)
	3.9 (đã bao gồm chức năng trạm đầu cuối)			
II.6	Thiết bị bảo mật cơ yếu		54.703	1.233.000.000
B	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{QLDA}	23.077	520.152.000
C	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ	G_{TV}	29.543	665.903.000
D	CHI PHÍ KHÁC	G_K	66.376	1.496.118.632
E	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G_{DP}	40.592	914.935.543
TỔNG CỘNG (A÷E)			3.500.000	78.890.000.000

IV. Kết quả thẩm tra

1. Nhận xét chung

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật-tổng dự toán được lập phù hợp với các quy định về đầu tư, quy định về thiết kế hiện hành. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật-tổng dự toán đã thể hiện rõ giải pháp kỹ thuật công nghệ trang thiết bị cũng như giải pháp phần mềm; các tính năng kỹ thuật đã được thể hiện đầy đủ trong tài liệu; các bản vẽ thiết kế kỹ thuật được thể hiện đầy đủ và chi tiết.

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được trình bày khoa học, đầy đủ các mục nội dung, cấu trúc chặt chẽ, thể hiện được các vấn đề cơ bản của nội dung thiết kế và tổng dự toán theo quy định nêu trong Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP; Nghị định số 102/2009/NĐ-CP và phù hợp với thiết kế cơ sở đã được phê duyệt tại Quyết định số 3842/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng.

- Viện Tích hợp Hệ thống/HVKTQS được Chủ đầu tư chọn làm đơn vị tư vấn thiết kế có đủ chức năng, kinh nghiệm và điều kiện cần thiết theo quy định. Cá nhân người chủ trì thiết kế kỹ thuật có đủ kinh nghiệm và điều kiện cần thiết theo quy định.

2. Kết quả thẩm tra thiết kế kỹ thuật

- Các nội dung của thiết kế kỹ thuật cơ bản tuân thủ theo thiết kế cơ sở của dự án đã được phê duyệt. Nội dung thiết kế cũng đã tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Các giải pháp kỹ thuật công nghệ thiết bị, phần mềm là hợp lý.

- Về giải pháp công nghệ: Hồ sơ thiết kế đã thuyết minh đầy đủ các nội dung về giải pháp trang thiết bị VSAT, Trạm đầu cuối, Hệ thống C2, thiết bị tích hợp, giải pháp phần mềm C2 và giải pháp mạng VSAT chỉ thị mục tiêu.

- Về các yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng: Hồ sơ thiết kế đã nêu rõ các yêu cầu kỹ thuật hạ tầng, các tiêu chuẩn thi công hệ thống thiết bị công nghệ, phần mềm đầu tư chi tiết theo các hạng mục.

- Về nội dung thiết kế các hệ thống thành phần: Đã thuyết minh thiết kế chi tiết các nội dung hệ thống thành phần để làm cơ sở thi công các hệ thống sau này.

- Về nội dung đào tạo chuyển giao: Lưu ý phải tính toán đủ về số lượng người học, nội dung đào tạo để đảm bảo chất lượng, đặc biệt chú trọng bồi dưỡng đội ngũ quản trị vận hành hệ thống trang thiết bị và phần mềm.

- Về bảo mật an toàn: Lưu ý tuân thủ các quy định về bảo mật, an toàn hệ thống.

3. Kết quả thẩm định dự toán

Tổng dự toán dự án là: 3.500.000 USD tương đương 78.890.000.000 đồng (Bằng chữ: *Ba triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ* tương đương *Bảy mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi triệu đồng* theo tỷ giá ngoại tệ tạm tính là 1 USD = 22.540 đồng). Tổng dự toán bằng đúng tổng mức đầu tư được Bộ Quốc phòng phê duyệt tại văn bản Quyết định số 3842/QĐ-BQP ngày 21/09/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng là 3.500.000 USD. Về cơ bản là phù hợp giữa khối lượng thiết kế thi công và khối lượng dự toán.

a) Về căn cứ để lập dự toán: Khi lập dự toán, Chủ đầu tư và cơ quan tư vấn thiết kế đã áp dụng đúng các định mức kinh tế - kỹ thuật, mức chi phí, đơn giá theo quy định, tuân thủ theo quyết định phê duyệt của Bộ Quốc phòng. Cụ thể như sau:

- Về dự toán thiết bị, dịch vụ nhập khẩu: Căn cứ theo báo giá và kết quả đàm phán cụ thể với đối tác nước ngoài để xây dựng nội dung, giá trị hợp đồng ngoại nhập khẩu theo đúng qui định.

- Về dự toán thiết bị trong nước: Căn cứ theo đơn giá đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án số 3842/QĐ-BQP ngày 21/09/2015 trên cơ sở kiểm tra báo giá trang thiết bị, phần mềm của các nhà cung cấp tại thời điểm dự toán.

- Về dự toán chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư: Căn cứ Quyết định số 3842/QĐ-BQP ngày 21/09/2015 của Bộ Quốc phòng; Quyết định 957/2009/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng;

- Về dự toán các chi phí khác: Căn cứ Quyết định 3842/QĐ-BQP ngày 21/09/2015; Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 và Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/2/2011 của Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2010/TT-BKH của Bộ KH&ĐT.

- Về quy mô đầu tư: Tuân thủ Quyết định số 3842/QĐ-BQP ngày 21/09/2015 của Bộ Quốc phòng.

b) Dự toán của một số nội dung có sự thay đổi so với phê duyệt của Bộ Quốc phòng, cụ thể như sau:

- Về chi phí thiết bị, dịch vụ nhập khẩu: tăng 23.687 USD. Lý do:

+ Giá trị hạng mục thiết bị VSAT giảm đi 73.044 USD; Không mua sắm hạng mục hệ thống quang phục vụ triển khai (giảm 27.246 USD) theo kết quả đàm phán với đối tác nước ngoài.

+ Giá trị hạng mục dịch vụ, lắp đặt và kiểm thử tăng lên 123.978 USD theo kết quả đàm phán với đối tác nước ngoài.

- Về chi phí thiết bị trong nước: giảm 10.310 USD. Lý do:

+ Dự toán các hạng mục Hệ thống C2, Trạm đầu cuối CTMT, Trạm quan sát trên tàu cá, Thiết bị tích hợp cho Bastion, Thiết bị tích hợp cho tàu Gepard 3.9: giảm 29.688 USD do cập nhật, tính toán theo tỷ giá tại thời điểm dự toán là 1 USD = 22.540 VNĐ trên cơ sở lấy giá trị VNĐ tương đương tại Quyết định 3842/QĐ-BQP ngày 21/09/2015 để tính toán.

+ Dự toán hạng mục thiết bị bảo mật cơ yếu tăng 19.738 USD theo dự toán chi tiết của Cục cơ yếu/BTTM tại thời điểm dự toán.

- Về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư: giảm 2.105 USD do cập nhật, tính toán theo tỷ giá tại thời điểm dự toán là 1 USD = 22.540 VNĐ trên cơ sở lấy giá trị VNĐ tương đương tại Quyết định 3842/QĐ-BQP ngày 21/09/2015 để tính toán.

- Về chi phí khác: tăng 2.976 USD do điều chỉnh phí nhập khẩu ủy thác theo giá trị thiết bị nhập khẩu và bổ sung chi phí kiểm tra an ninh toàn bộ thiết bị của dự án nhằm đảm bảo tính bảo mật của hệ thống.

- Về chi phí dự phòng: giảm 14.249 USD theo tỷ lệ các hạng mục chi phí.

V. Đề nghị chung

Trên cơ sở kết quả thẩm tra ở trên, đề nghị chủ đầu tư và cơ quan tư vấn thiết kế chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ, tính toán điều chỉnh nội dung và kinh phí phù hợp với quy định, đảm bảo tổng dự toán không vượt tổng mức đầu tư.

Trên đây là kết quả thẩm tra của Viện Công nghệ thông tin/Viện KH-CNQS về các nội dung Hồ sơ TKKT-TDT dự án “Xây dựng mạng thông tin chỉ thị mục tiêu qua vệ tinh cho các tổ hợp vũ khí trên tàu và trên bờ trong Quân chủng Hải quân - giai đoạn 1”./Hoàn

VIỆN TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện Tích hợp hệ thống/HVKTQS;
- Lưu: HTTQL; Đ03.



Đại tá Lê Quang Đức